

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08/4/2019

“V/v xin Ly hôn,”

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Trung Nghĩa.

- Ông Triệu Khánh Long.

***Thư ký phiên tòa:*** bà Trần Thị Thanh Tâm, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa:***  
Bà Phạm Thị Diệp, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/01/2019. Về tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh L. CH. Đ. , sinh năm 1996;

Địa chỉ: số 301, khóm Cà Lãng A, phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Chị Tr. Th. D., sinh năm 1996;

Địa chỉ: số 58, khóm Vĩnh An, phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03/01/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn L. CH. Đ. trình bày: Vào năm 2016, anh kết hôn với chị Tr. Th. D. có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày ngày 26/04/2016.

Sau khi kết hôn, hai người sống chung với gia đình cha mẹ ruột của anh Đ. tại khóm Cà Lãng A, phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng anh Đ. và chị D. không có con chung. Nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dẫn đến mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng và từ cuối năm 2018 chị D. đã bỏ về nhà cha mẹ ruột tại khóm Vĩnh An phường 2 để sinh sống không còn sống chung với anh Đ. . Nay anh L. CH. Đ. yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tr. Th. D..

Về con chung: Anh L. CH. Đ. khẳng định, anh sống chung với chị Tr. Th. D. không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: anh L. CH. Đ. không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Tại biên bản hòa giải ngày 29/01/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Tr. Th. D. trình bày: Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn L. CH. Đ. về ngày tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống cũng như tình trạng cuộc sống thời gian đầu của vợ chồng. Trong quá trình chung sống thời gian đầu sống chung với nhau rất hạnh phúc nhưng vợ chồng chưa có con chung với nhau. Do mâu thuẫn giữa vợ chồng với nhau nên đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ cuối năm 2018 đến nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng với anh L. CH. Đ. tuy đã có mâu thuẫn với nhau nhưng có thể hàn gắn đoàn tụ tiếp tục sống chung với nhau được. Nay anh L. CH. Đ. yêu cầu được ly hôn, chị Tr. Th. D. không đồng ý vì còn yêu thương anh Đ. , muốn tiếp tục sống chung với anh Đ. để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc.

Về con chung: Chị Tr. Th. D. khẳng định, sống chung với anh L. CH. Đ. không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr. Th. D. thống nhất với ý kiến trình bày của anh L. CH. Đ. không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh L. CH. Đ. được ly hôn với chị Tr. Th. D.. Về con chung các đương sự

khẳng định không có nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn L. CH. Đ. . Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, anh Đ. yêu cầu ly hôn với chị D.. Quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Tr. Th. D. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối gì nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn Tr. Th. D..

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường 2, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/4/2016 theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn, sổ hộ khẩu mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn L. CH. Đ. có kết hôn với bị đơn Tr. Th. D. là sự thật, được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, giữa anh L. CH. Đ. và chị Tr. Th. D. đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng sau đó thì bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến chị D. trở về nhà cha mẹ ruột tại khóm Vĩnh An, phường 2, thị xã Vĩnh Châu sinh sống, không còn tiếp tục sống chung với nhau từ cuối năm 2018.

Tại phiên tòa, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của

Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chúng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa chị D. và anh Đ. không có tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn L. CH. Đ. và bị đơn Tr. Th. D. thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn L. CH. Đ. đối với bị đơn Tr. Th. D. là có cơ sở chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho anh L. CH. Đ. được ly hôn với chị Tr. Th. D..

[3] Về con chung: anh L. CH. Đ. và chị Tr. Th. D. khẳng định trong quá trình chung sống với nhau không có con chung, không yêu cầu nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn L. CH. Đ. , bị đơn Tr. Th. D. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn L. CH. Đ. phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát đã nêu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

***Tuyên xử:***

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh L. CH. Đ. được ly hôn với chị Tr. Th. D..

2/ Về con chung: Anh L. CH. Đ. và chị Tr. Th. D. khẳng định trong quá trình chung sống với nhau không có con chung, không yêu cầu nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Anh L. CH. Đ. và chị Tr. Th. D. không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nguyên đơn L. CH. Đ. phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004068 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh L. CH. Đ. đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với bị đơn thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

**Nơi nhận**

- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án
- UBND phường 2.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Toàn**